TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/DS-PT
Ngày: 07- 5 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DSST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố V, tỉnh L bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2024/QĐPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoản phiên tòa số: 134/2024/QĐ – PT ngày 19/4/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Hồ Minh T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh L

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Minh T: Chị Đinh Nguyễn Hồng N, sinh năm 1999; địa chỉ: Số nhà 67/31F, đường Phó Cơ Điều, Phường 3, thành phố V, tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Minh T: Luật sư Tô Vĩnh H – Công ty luật TNHH Nh – Đoàn Luật sư tỉnh L; địa chỉ: Số 67/31F, đường Phó Cơ Điều, Phường 3, thành phố V, tỉnh L.

- ***Bị đơn***: Ông Phùng Minh H1, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Lâm Thị Ngọc H2, sinh năm 1990; cùng nơi cư trú: Số nhà 42/3D, Khóm 1, Phường 9, thành phố V g, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 27, đường Phạm Thái Bường, Phường 4, thành phố V, tỉnh L.

- *Người kháng cáo: nguyên đơn Hồ Minh T*

- *Viện kiểm nhân dân kháng nghị:Viện kiểm sát nhân dân Thành phố V*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2023 cùng các lần hòa giải tiếp theo và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày: Vào ngày 23/10/2022 ông T có cho ông H1 và bà H2 vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích để ông H1 và bà H2 làm ăn, thời hạn vay tiền là 1 tháng, lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng; đến ngày trả tiền ông H1 và bà H2 không trả tiền vốn, không trả tiền lãi; việc vay tiền có lập thành văn bản (biên nhận), ông H1 và bà H2 có ký tên vào biên nhận.

Sau đó, ngày 22/3/2023 ông H1 có mượn tiếp của ông T số tiền 100.000.000 đồng; số tiền này ông H1 và ông T có lập thành văn bản tại văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc D bao gồm khoản tiền 500.000.000 đồng và khoản tiền 100.000.000 đồng, Hợp đồng vay tiền có ông H1 và ông T ký tên, bà H2 không có ký tên; thời hạn vay tiền từ ngày 22/3/2023 đến ngày 22/4/2023; lãi suất thỏa thuận là 1,66%/tháng; ông H1 và bà H2 không có trả tiền lãi.

Ông H1 đã trả được cho ông T số tiền 131.500.000 đồng tiền lãi, việc trả tiền ông H chuyển khoản nhiều lần cho ông T tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, số tài khoản là 93330234 (tài khoản ông T).

Nay ông T yêu cầu ông H1 và bà H2 trả cho ông Tuấn số tiền vốn là 468.500.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 03/11/2023 đến ngày 22/01/2024 là 62.216.600 đồng và tiếp tục yêu cầu tính tiền lãi cho đến khi ông Phùng Minh H1 và bà Nguyễn Lâm Thị Ngọc H2 trả xong nợ gốc cho ông T.

Đại diện bị đơn trình bày: Phía bị đơn không đồng ý 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; hợp đồng vay tiền ngày 22/3/2023 là để hợp thức hóa số tiền vay ngày 23/10/2022, số tiền gốc bị đơn vay chỉ có 500.000.000 đồng; phía bị đơn đã trả tiền cho nguyên đơn 131.500.000 đồng, việc trả tiền bị đơn có chuyển vào tài khoản của ông Hồ Minh T, tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với số tài khoản là 93330234. Bị đơn chỉ đồng ý trả tiền vốn cho nguyên đơn là 500.000.000 đồng và khấu trừ 131.500.000đ tiền phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn trên số tiền 368.500.000 đồng và xin không trả lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn, vì không có khả năng.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DSST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố V, tỉnh L đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh T. Buộc ông Phùng Minh H và bà Nguyễn Lâm Thị Ngọc H2 trách nhiệm trả cho ông Hồ Minh T số tiền 429.438.900 đồng (*bốn trăm hai mươi chín triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn chín trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

* Ngày 23/01/2024 nguyên đơn Hồ Minh T có đơn kháng cáo không đồng ý với Bản án dân sự sơ thẩm nội dung như sau: yêu cầu cấp phúc thẩm sủa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ngày 31/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố V ban hành quyết định kháng nghị số 03/QĐ – VKS – DS đới với Bản án số 07/2024/DSST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố V với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan toàn diện không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần sửa án và án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L giữ nguyên kháng nghị.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Tại thời điểm ký vay tại phòng công chứng thì chưa chốt lại số nợ, nên nguyên đơn kiện là đúng sự thật, hai bên không quan trọng trả nợ trước bao nhiêu nên chỉ thống nhất là bị đơn đã trả nguyên đơn số tiền 131.500.000đ. Nên nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu bị đơn trả 600.000.000đ trừ đi 131.500.000đ và tính lãi chậm trả. Thời hạn vay của ngày vay cuối cùng 10%/năm là 0.83%/tháng 14 tháng. Do đó đề nghị Hội đồng xem xét chấp nhận khởi kiện, kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm phiên tòa ngày 19/4/2024 hoãn lại ngày 07/5/2024 đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn bảo lưu nội dung khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo trên cơ sở tài liệu đã cung cấp . Nhưng bị đơn vắng, người đại diện hợp pháp của bị đơn cũng có đơn xin vắng xem như không thực hiện nghĩa vụ chứng minh. Do vậy, trong phạm vi xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long sửa án sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố V; Chấp nhận toàn kháng cáo của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn lãi là 525.402.448 đồng; Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 26.270.000 đồng (=525.402.448 đồng x 5%) tương ứng với nghĩa vụ thi hành án

Từ những phân tích trên quan điểm của Kiểm sát viên:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố V. Chấp toàn bộ kháng nghị số 03 /QĐ-VKS-DS Ngày 31/ 01/2024 của Viện trưởng VKSND thành phố V;

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Hồ Minh T sửa bản án sơ thẩm theo hướng . (1) Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn lãi là 525.402.448 đồng; (2) Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 26.270.000 đồng (=525.402.448 đồng x 5%) tương ứng với nghĩa vụ thi hành án .

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên số tiền tạm ứng được hoàn trả lại cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 22/01/2024 Tòa án nhân dân Thành phố V, tỉnh L xét xử và tuyên án sơ thẩm. Ngày 23/01/2024 nguyên đơn Hồ Minh T có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo; Ngày 31/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố V, tỉnh L ban hành Quyết định kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DSST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố V, tỉnh L là còn trong thời hạn kháng nghị theo quy định tại Điều 273, Điều 280 và được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được qui định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền 468.500.000đ và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 62.216.600đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi bị đơn trả xong nợ.

Nhận thấy, bị đơn ông H và bà H1 có vay của ông Tuấn số tiền 500.000.000đ có làm biên nhận đề ngày 23/10/2022 bị đơn cùng ký tên và thừa nhận việc vay tiền của nguyên đơn. Trong biên nhận bị đơn có ghi rõ ngày trả tiền là 02/11/2022. Theo trình bày của nguyên đơn thì đến ngày hẹn trả tiền là 02/11/2022 thì bị đơn không trả. Ngày 22/3/2023 tiếp tục làm hợp đồng vay tại Phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc Dung. Trong hợp đồng nguyên đơn cho bị đơn vay 600.000.000đ. Theo nguyên đơn trình bày trong số tiền 600.000.000đ này thì có tiền vay 500.000.000đ vay ngày 23.10.2022 và vay thêm 100.000.000đ nên làm hợp đồng 600.000.000đ.

Tuy nhiên số tiền 100.000.000đ nguyên đơn cho rằng cho bị đơn vay thêm nhưng bị đơn không thừa nhận và bà H1 cũng không có ký tên trong hợp đồng vay này, bị đơn cho rằng đó là tiền lãi của số tiền vay 500.000.000đ. Nên không có căn cứ buộc bị đơn trả 100.000.000đ cho nguyên đơn.

Trong thời gian vay nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bị đơn có trả cho nguyên đơn được số tiền 131.500.000đ. Bị đơn thừa nhận và đồng ý trả số tiền vay 500.000.000đ. Do đó có căn cứ buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền 500.000.000đ và tính lãi suất chậm trả 0,83%/tháng tính từ ngày 03/11/2022 – 22/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) = 445 ngày được tính như sau:

500.000.000đ x 10%/năm x 445 ngày/365 ngày = 60.938.900đ

Như vậy buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền 560.398.900đ – 131.500.000đ = 429.438.900đ.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố V là chưa đủ căn cứ để chấp nhận.

Từ nhận định trên:

Xét kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L là không đủ căn cứ nên không chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Minh T

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố V, tỉnh L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố V, tỉnh L.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 khoản 3 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh T. Buộc ông Phùng Minh H và bà Nguyễn Lâm Thị Ngọc H1 có trách nhiệm trả cho ông Hồ Minh T số tiền 429.438.900 đồng (*bốn trăm hai mươi chín triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn chín trăm đồng*).Trong đó vốn là 368.500.000đ và lãi là 60.938.900đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc nguyên đơn Hồ Minh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ đã nộp theo các Biên lai thu số 0006595 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố V, tỉnh L.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND TPVL: 01b;
- Chi cục THADS TPVL : 01b;
- Mỗi đương sự: 01bản;
- Lưu HS: 06b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Lạc